

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Cai Lậy đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Cai Lậy đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển chung, phát triển và phát huy vai trò đô thị trung tâm vùng phát triển kinh tế - đô thị phía Tây của tỉnh Tiền Giang; là trung tâm giao lưu kinh tế và sản xuất - kinh doanh hàng hóa dịch vụ quan trọng của vùng với tốc độ phát triển cao, hiệu quả, đồng bộ, bền vững; có tác động đầu mối, phát luồng (lực đẩy) cho khu vực huyện Tân Phước, khu vực phía Nam vùng Đồng Tháp Mười, huyện Cai Lậy; trung chuyển (lực hút) đối với khu vực Tây Nam huyện Châu Thành và khu vực Đông Bắc huyện Cái Bè; tác động đến luồng giao lưu kinh tế theo hành lang kinh tế lúa gạo (chế biến - kho vận) từ Đồng Tháp và Long An theo tuyến ĐT.865 - kênh Nguyễn Văn Tiếp.

2. Quan điểm phát triển kinh tế, phát triển nhanh kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy các lợi thế về vị trí, điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội, thu hút mọi nguồn lực gắn liền với mở rộng đô thị và xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, ổn định khu vực ngoại thị, kết hợp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất

lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm - dịch vụ, các doanh nghiệp và của toàn nền kinh tế, nâng cao tỷ trọng khu vực kinh tế phi nông nghiệp.

- *Đối với khu vực thương mại - dịch vụ*, phát triển các trung tâm thương mại, hạ tầng dịch vụ đồng bộ với việc mở rộng và nâng cấp đô thị. Tại khu vực ngoại thị, đẩy mạnh dịch vụ nông thôn và chuẩn bị các điều kiện cho việc mở rộng thêm quy mô đô thị sau 2020.

- *Đối với khu vực công nghiệp - xây dựng*, xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, các tuyến và trung tâm sơ chế - chế biến - kho vận lúa gạo, nông sản, thực phẩm; thu hút các nguồn lực trong và ngoài thị xã phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng theo tiến độ phát triển đô thị, nhà ở và kết cấu hạ tầng, các công trình công cộng đô thị.

- *Đối với khu vực nông nghiệp ngoại thị*, phát triển các hệ thống canh tác theo hướng hiệu quả, chất lượng và từng bước phát triển nông nghiệp đô thị; gắn liền phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới.

3. Quan điểm phát huy và huy động các nguồn lực để phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, tích cực thu hút nguồn lực từ bên ngoài và từng bước chuyển hóa thành nội lực; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực giáo dục đào tạo và trình độ dân trí cho dân cư; phát triển trên cơ sở tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực và địa bàn trọng điểm làm đầu tàu kéo cả nền kinh tế phát triển nhanh.

4. Quan điểm phát triển đồng bộ, ổn định và bền vững, gắn chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế với chỉ tiêu công bằng xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường, sinh thái; kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đạt thu nhập bình quân đầu người cao hơn mặt bằng phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, xác định vai trò đô thị trung tâm vùng kinh tế - đô thị phía Tây tỉnh Tiền Giang. Phát triển mở rộng đô thị trung tâm bao gồm 6 phường; hoàn thiện và ngày càng phát triển các kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội đồng bộ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm hướng đến phấn đấu cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại III vào năm 2020. Đào tạo và thu hút lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật - nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đối với khu vực công quyền xây dựng đội ngũ, bộ máy vững mạnh, trong sạch tiến đến phát triển chính phủ điện tử. Nâng mặt bằng về giáo dục - đào tạo, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, hưởng thụ văn hóa, thông tin truyền thông, thể dục thể thao; đảm bảo quốc phòng, an ninh,

trật tự an toàn xã hội; bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất (GO) trên địa bàn huyện (theo giá so sánh 2010) bình quân 5 năm thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 9,2-10,5%/năm. Trong đó, nông - lâm - ngư nghiệp tăng 4,4%/năm; công nghiệp - xây dựng tăng 10,2-11,7%/năm; dịch vụ tăng 13,5-15,2%/năm.

- Cơ cấu GO trên địa bàn năm 2020, tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 19,8-21,4%; công nghiệp - xây dựng chiếm 55,6-56,8%; thương mại - dịch vụ chiếm khoảng 21,2-21,9%.

- Thu nhập trên địa bàn bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 80-89 triệu đồng/người (tương đương 3.350-3.700 USD/người).

- Huy động ngân sách nhà nước từ kinh tế địa phương tăng 10-11%/năm, đến năm 2020 thu khoảng 128 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 11-13,8 nghìn tỷ đồng.

b) Về văn hóa, xã hội

- Tốc độ tăng dân số trung bình bình quân đạt 1%/năm, đến năm 2020 dân số đạt 130.900 người.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 31,6%; phần đầu cơ bản đạt chuẩn đô thị loại III.

- Hàng năm giải quyết việc làm khoảng 2.000 lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo vào năm 2020 là 74%.

- Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,0-1,5%/năm (chuẩn nghèo áp dụng theo quy định hiện hành).

- Phần đầu tỷ lệ xã cơ bản đạt chuẩn quốc gia về xây dựng nông thôn mới là 50% xã vào năm 2020.

- Phần đầu đến năm 2020, 100% trạm y tế xã có bác sĩ; số bác sĩ /vạn dân đạt 8,4 bác sĩ; số giường bệnh/vạn dân đạt 40,7 giường bệnh; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi 10%; tỷ lệ xã đạt tiêu chí về y tế xã là 100%.

- Đến năm 2020, tỷ lệ huy động so với dân số trong độ tuổi: nhà trẻ là 30%; mẫu giáo 90%; tiểu học 100%; trung học cơ sở 100%; trung học phổ thông đạt 70%. Phần đầu 59% trường đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện đạt 100% vào năm 2020; đồng thời từng bước cải tạo hệ thống điện lưới không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

- Mật độ thuê bao Internet đạt 8 thuê bao/100 dân.

- Đến năm 2020, phần đầu các xã phường có đầy đủ các thiết chế văn hóa; tỷ lệ hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa trên 95%.

c) Về bảo vệ môi trường

- Đến năm 2020, tỷ lệ hộ dân đô thị được cấp nước sạch tập trung là 99%; tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 99%, trong đó 95% số hộ được cấp nước tập trung.

- Đến năm 2020, tỷ lệ thu gom rác đô thị đạt 96%; có trên 95% cơ sở sản xuất xây dựng mới đạt tiêu chuẩn môi trường; cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; các khu đô thị mới cơ bản có hệ thống thoát nước thải, tỷ lệ xử lý trên 70%.

3. Các lĩnh vực trọng điểm, đột phá trong phát triển

a) Xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị

Xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới giao thông: tuyến tránh quốc lộ 1, đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, đường tránh ĐT.868, nhánh rẽ đường cao tốc, nâng cấp các tuyến đối ngoại (ĐT.865, ĐT.868, ĐT.874, ĐH.52), các tuyến đường huyện (trong đó chú trọng kết nối ĐH.58 với ĐT.865), xây dựng 2 tuyến vành đai trong và vành đai ngoài đô thị và hệ thống đường đô thị kết nối với tuyến vành đai, cầu Vàm kênh 12 tại chợ Mỹ Phước Tây, hoàn chỉnh ĐT.858 đoạn Tân Bình - kênh Hai Hạp. Trên cơ sở phát triển hệ thống giao thông, chủ động tạo lập quỹ đất cho các khu chức năng, khu dân cư đô thị mở rộng tại các phường trung tâm và các đô thị vệ tinh, làm cơ sở thúc đẩy nhanh đô thị hóa, hiện đại hóa và công nghiệp hóa.

b) Phát triển công thương nghiệp

Xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư vào các trung tâm thương mại có tính chất phát luồng, đầu mối, trung chuyển kết hợp với các khu thương mại phố thị; xây dựng hạ tầng và kêu gọi đầu tư vào các cụm công nghiệp, các trung tâm và tuyến sơ chế - chế biến - kho vận về lúa gạo, nông sản, thực phẩm.

c) Tích cực thu hút và phát triển nguồn nhân lực

Trong khu vực công và dân doanh nhằm nâng cao hàm lượng tri thức, công nghệ trong quá trình cải thiện chất lượng hiệu quả sản xuất, đồng thời làm tiền đề nhân lực chuyển dịch sang phát triển khu vực dịch vụ, công nghiệp và nâng cao tính cạnh tranh; phát huy vai trò đô thị trung tâm vùng trong việc đào tạo lao động các huyện thị lân cận và tạo điều kiện thu hút lao động sau khi đào tạo.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về thương mại, dịch vụ

Đầu tư phát triển các chợ hàng hóa, trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm phân phối và cung ứng hàng hóa cho khu vực theo hướng đầu mối, phát luồng và trung chuyển hàng hóa. Cải tạo và phát triển các khu và trung tâm thương mại tại khu đô thị trung tâm; hình thành và phát triển các khu dân cư đô thị kết hợp hoạt động thương mại - dịch vụ tại đô thị mở rộng. Đến năm 2020, ngoài trung tâm thương mại tại khu đô thị trung tâm, xây dựng 03 khu thương mại ở cửa ngõ phía Bắc, phía Đông và phía Tây kết hợp các hoạt động kho vận, mời gọi đầu tư siêu thị, chợ gia súc, gia cầm. Đối với khu vực nông thôn, tiếp tục nâng cấp các chợ xã (mở rộng, cải tạo, kiện toàn bộ máy quản lý, xây dựng mới chợ Tân Phú, chợ Cặp Răng Núi - Mỹ Phước Tây). Phát triển các hoạt động trung chuyển, kho vận tại Mỹ Phước Tây, Thanh Hòa, Nhị Mỹ, các hoạt động hậu cần công nghiệp tại Mỹ Phước Tây, Tân Hội, khu dân cư kết hợp đô thị vườn tại khu vực phía Nam; hoàn chỉnh mạng lưới các trung tâm và tuyến điếm về thương mại dịch vụ đồng bộ với phát triển đô thị, giao lưu kinh tế.

Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới hệ thống chợ, các trung tâm thương mại, khu phố thương mại, các khu chức năng dịch vụ chuyên đề với hệ thống thương mại và dịch vụ hiện đại; khuyến khích xây dựng và chỉnh trang các phố thương mại, thu hút đầu tư phát triển đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, ngày càng nâng tỷ trọng dịch vụ cao cấp (tài chính, ngân hàng, tư vấn, vận tải, bất động sản, các dịch vụ về giáo dục, y tế, văn hóa...) trong cơ cấu kinh tế khu vực dịch vụ.

Trên cơ sở các di tích văn hóa, lịch sử, cách mạng tại địa bàn thị xã và trên cơ sở là đô thị trung tâm vùng, phát triển các khu đã có (Tân Phú) và thu hút đầu tư xây dựng các điếm, tuyến du lịch sinh thái, du khảo, nghỉ dưỡng kết hợp biệt thự vườn trong định hướng dài hạn.

2. Về công nghiệp, xây dựng

Triển khai đầu tư, thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Thanh Hòa, khu vực phát triển công nghiệp kết hợp tuyến và trung tâm sơ chế - chế biến - kho vận lúa gạo Mỹ Phước Tây; tuyến công nghiệp Tân Hội; thu hút đầu tư lấp đầy kết hợp di dời các cơ sở không có điều kiện mở rộng mặt bằng hoặc gây ô nhiễm môi trường tại Tân Bình.

Đối với các lĩnh vực, các ngành công nghiệp thu hút đầu tư, đặt trọng tâm vào các lĩnh vực xay xát, chế biến thực phẩm, thức ăn gia súc - thủy sản, cơ khí phục vụ nông nghiệp và dân sinh, các loại hình công nghiệp liên quan đến kho vận, công nghiệp hỗ trợ. Xúc tiến đầu tư và thương mại hóa công nghệ phẩm; triển khai các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, ứng dụng công nghệ hiện đại và áp dụng quản lý chất lượng.

Đối với các cơ sở công nghiệp quy mô vừa và nhỏ, hỗ trợ đổi mới công nghệ và trang thiết bị, từng bước mở rộng quy mô hiện có nhằm chuyên dần sang các sản phẩm có chất lượng cao; xây dựng kế hoạch và đề xuất các chính sách di dời các cơ sở gây ô nhiễm tại Tân Bình.

Tập trung phát triển ngành xây dựng (quy hoạch, thiết kế, thi công) trong các lĩnh vực chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng các khu chức năng đô thị và xây dựng các kết cấu hạ tầng, các công trình công cộng.

3. Về nông nghiệp, nông thôn

Phát triển nông nghiệp khu vực ngoại thị theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất với sản phẩm hàng hóa quy mô tập trung đạt chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường; từng bước phát triển các loại hình nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp đô thị.

Phát triển vùng chuyên lúa theo mô hình cánh đồng lớn tại Mỹ Phước Tây, Mỹ Hạnh Đông, Tân Phú và từng bước áp dụng quy trình GAP; phát huy hiệu quả kiểm soát lũ và điều tiết nội đồng, tăng cường cơ giới hóa và xử lý sau thu hoạch. Chuyển đổi đất lúa khu vực phía Nam quốc lộ 1 sang kinh tế vườn, từng bước phát triển các mô hình vườn trái cây an toàn tiến đến đạt các chuẩn GAP; tại khu vực cận đô thị sẽ từng bước phát triển các loại hình vườn biệt thự. Phát triển nghề trồng nấm ăn và dược liệu theo mô hình công nghệ cao.

Phát triển chăn nuôi gắn với đảm bảo về vệ sinh phòng dịch, môi trường tại các xã ngoại thị; Ổn định diện tích nuôi cá ao hồ, nâng cao hiệu quả nghề nuôi ương cá. Khuyến khích phát triển các hình thức trang trại, gia trại; đồng thời xây dựng và phát triển các mô hình hợp tác hóa kiểu mới, các mô hình liên kết sản xuất - kinh doanh - tiêu thụ.

4. Về các lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Về giáo dục - đào tạo

- Về giáo dục

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ người biết chữ đạt 99%, tăng tỷ lệ học sinh nhập học các cấp thông qua công tác duy trì và củng cố kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở đúng độ tuổi. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 đạt và tiến đến nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Đa dạng hóa loại hình trường lớp, tiếp tục sắp xếp mạng lưới trường lớp, huy động nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành cho các trường học. Tích cực xã hội hóa giáo dục. Phấn đấu đến năm 2020 địa bàn có 41,2% trường mẫu giáo, 81,3% trường tiểu học, 47% trường trung học cơ sở và 100% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Khuyến khích xã hội hóa giáo dục trong việc: đa dạng các loại hình trường lớp mầm non ngoài công lập, huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trường học.

- Về đào tạo

Đa dạng hóa các loại hình và phương thức đào tạo trên cơ sở liên kết với các cơ sở đào tạo những ngành nghề mà địa phương có nhu cầu cấp thiết, đặc biệt đào tạo nhân lực phục vụ chuyên dịch cơ cấu nền kinh tế. Nâng cao chất lượng hoạt động của trường trung cấp nghề khu vực Cai Lậy; nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng hoạt động và hiệu quả đào tạo của trường trung cấp kinh tế - công nghệ Cai Lậy, các trung tâm học tập cộng đồng trên cơ sở mở rộng liên kết với các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, các cơ sở dạy nghề trong và ngoài địa bàn.

Đến năm 2020, số lao động được đào tạo so với lao động trong độ tuổi chiếm khoảng 74,1%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 44,4%.

b) Về y tế

Tập trung đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy; xây mới và tiêu chuẩn hóa cơ sở và trang thiết bị cho hệ thống y tế tuyến phường, xã; nâng cao năng lực và ổn định nhân lực cán bộ y tế, đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đến năm 2020, hệ thống y tế công lập trên địa bàn dự kiến có thêm 4 trạm y tế xã, phường; 21 cơ sở y tế tư nhân. Phấn đấu 16/16 phường, xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực (thuộc trung tâm y tế) lên thành bệnh viện thị xã (trước năm 2020) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều trị, đặc biệt là điều trị cho các bệnh nhân có thể bảo hiểm y tế.

Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia và chương trình y tế ngành. Xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe cộng đồng bao gồm y tế công và y tế tư. Quản lý sức khỏe bà mẹ – trẻ em đến từng hộ gia đình, đảm bảo dinh dưỡng hợp lý. Tăng cường các phương tiện cận lâm sàng (siêu âm, điện tim, xét nghiệm sinh hóa và huyết học); củng cố cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nhân lực cho hệ thống y tế cơ sở; phát triển các hình thức dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu.

c) Về văn hóa thông tin - thể dục thể thao

Đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao thị xã; nâng cấp và mở rộng các thiết chế văn hóa cấp cơ sở phù hợp với quy mô phát triển dân số, đô thị; tăng cường thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa thể dục thể thao; phấn đấu có thêm 06 xã, phường có đầy đủ các thiết chế văn hóa; tỷ lệ hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa đạt 99% vào năm 2020.

Từng bước xây dựng, trùng tu các công trình văn hóa lịch sử; bảo tồn và phát triển các loại hình văn hóa dân tộc trong dân gian, xây dựng nếp sống văn

hóa và văn minh, tích cực xóa các tệ nạn xã hội; xây dựng và nâng cấp đài truyền thanh - truyền hình cấp thị xã và các đài, trạm truyền thanh cấp cơ sở.

Phấn đấu 100% trường học đều đảm bảo tốt chương trình giáo dục thể chất; 80% số trường học đảm bảo hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa thường xuyên; số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt gần 35% vào năm 2020.

d) Về giảm nghèo, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội

Hoàn thành cơ bản công tác xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ đời sống, xây nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, đẩy mạnh công tác bảo trợ xã hội; tiếp tục phát huy vai trò của các thành phần kinh tế thu hút nhiều lao động, tăng cường đào tạo nghề và hướng nghiệp, nâng cao trình độ dân trí, hỗ trợ tín dụng, tạo mọi điều kiện để người dân có công ăn việc làm góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm khoảng 1,0-1,5%/năm.

e) Về khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

- *Khoa học công nghệ*, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã; hỗ trợ về mặt khoa học công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước và từng bước đóng vai trò trung tâm thông tin, tư vấn công nghệ, thị trường cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trên địa bàn thị xã.

- *Bảo vệ môi trường*, đưa các cơ sở sản xuất công thương nghiệp, cơ sở y tế vào diện quản lý môi trường và phải đầu tư các hệ thống xử lý nước thải, rác thải, khí thải, tiếng ồn, đảm bảo xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn quy định; cải thiện đáng kể tình trạng vệ sinh môi trường đô thị; tăng cường tiềm lực về công tác quản lý môi trường, thực hiện luật Bảo vệ môi trường đến tận cơ sở. Duy trì việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường sâu rộng trên tất cả các đối tượng.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Về giao thông

- Hệ thống đường đối ngoại:

+ Quốc lộ 1 quy hoạch cấp II đồng bằng, sau khi xây dựng xong đường tránh, phần quốc lộ 1 đi qua khu vực đô thị sẽ trở thành đường trục nội thị. Tuyến đường tránh quốc lộ 1 quy mô 4 làn xe cơ giới và 2 làn xe thô sơ, có dải phân cách.

+ Đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ có nút giao Cai Lậy tại km 70+260, đấu với đường tránh ĐT.868 - ĐH.55 và đấu với quốc lộ 1 tại km 1987+560, tuyến nhánh rẽ có quy mô 4 làn xe.

+ ĐH.52 (đường Dây Thép) quy hoạch cấp IV đồng bằng và nâng cấp thành ĐT.880B; ĐT.868 quy hoạch cấp III đồng bằng, riêng khu vực đi qua đô

thị 02 tuyến đường này sẽ trở thành đường trục nội thị; ĐT.874, ĐT.874B, ĐT.865 quy hoạch cấp III đồng bằng; ĐH.58, ĐH.59 quy hoạch cấp IV đồng bằng.

- Hệ thống đường vành đai:

+ ĐH.57 trở thành đường đô thị; tuyến vành đai mới sẽ là tuyến ven trục truyền tải điện cao thế 500 kV.

+ ĐH.53, ĐH.54, ĐH.51, ĐH.67 quy hoạch cấp IV đồng bằng (trong đó ĐH.53 được nâng cấp thành ĐT.874C quy hoạch cấp III đồng bằng).

+ ĐH.60 được thay thế bằng hệ thống 2 đường vành đai trung tâm đô thị.

+ ĐH.54B (cấp sông Ba Rài) quy hoạch cấp IV đồng bằng, trong tương lai sẽ trở thành đường đô thị.

- Hệ thống đường trục đô thị và đường đô thị:

+ Hệ thống đường trục đô thị phát triển theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây với khoảng cách 800-1.000 m/tuyến, quy hoạch mặt đường 15-21 m, hè đường + dây phân cách 12-15 m.

+ Hệ thống đường nội thị: bảo đảm cự ly các giao lộ trong khoảng 200 m, chiều rộng 5,5-9,0 m, vỉa hè 5 m x 2. Đến năm 2020 mở mới thêm 55 km các tuyến đường nội thị và 1,3 km tuyến đường bờ kè.

- Hệ thống đường nông thôn: nâng cấp các tuyến đường nông thôn lên loại A, tổng chiều dài 69 km.

- Hệ thống đường thủy: nạo vét kết hợp với chỉnh trị các tuyến đường thủy cấp III-V (kênh Ban Chón, kênh Bà Trà, rạch Cà Mau, rạch Tràm, kênh Kháng Chiến, kênh 7 Thước, rạch Nàng Chung, kênh Ngang, kênh 12, sông Ba Rài, kênh Nguyễn Văn Tiếp) kết hợp gia cố chống sạt lở tuyến bờ sông. Nạo vét khu vực vàm sông Ba Rài - sông Tiên nhằm tạo tuyến liên thông vận tải thủy đến sông Tiên.

- Bến bãi:

+ Nâng cấp bến xe khách trung tâm (phường 5) bến xe khách phụ (phường 1), xây dựng bến đỗ xe ô tô và bến đỗ tạm cho xe tải tại khu vực chợ trung tâm và các trung tâm thương mại cửa ngõ. Trong tầm nhìn dài hạn, dự kiến xây dựng 1 bến xe tổng hợp tại khu trung tâm thương mại dịch vụ cửa ngõ phía Tây.

+ Cải tạo các bến thủy nội địa; đầu tư xây dựng mới bến tàu hàng hóa trên kênh Nguyễn Văn Tiếp và sông Ba Rài cho khu vực phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại Mỹ Phước Tây.

b) Về bưu chính viễn thông

- Hiện đại hóa mạng bưu chính viễn thông và phát triển hệ thống thông tin trên mạng internet, đưa tin học vào giáo dục phổ thông và về khu vực nông thôn.

- Chính trang Bưu điện trung tâm Thị xã, xây dựng bưu điện văn hóa xã phường, đảm bảo khép kín 100%, mở rộng đại lý internet công cộng; ngầm hóa mạng cáp điện thoại tại trung tâm thị xã; mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động các mạng điện thoại di động.

c) Mạng lưới điện

- Phân đầu đưa điện về khắp các vùng dân cư để đảm bảo mọi hộ dân được sử dụng điện lưới; đồng thời từng bước cải tạo hệ thống điện lưới không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

- Phát triển lưới điện hạ thế gắn với lưới trung thế và trạm biến áp mới để cấp điện cho các khu dân cư chưa có điện. Tổng đường dây hạ thế xây dựng đến năm 2020 là 353 km và cải tạo 168,97 km; duy trì tỷ lệ hộ sử dụng điện 100%; tăng chỉ tiêu điện thương phẩm bình quân đầu người lên 1.365 kWh/người vào năm 2020.

d) Cấp thoát nước và rác thải

Hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước tại khu đô thị trung tâm, cải tạo một số tuyến cấp nước chính và bắt đầu xây dựng các tuyến trục hướng ra khu đô thị mới; từng bước chuyển đổi nguồn cấp nước (từ nước giếng tầng sâu sang nước máy) và hòa chung mạng. Tại các xã ngoại thị, sẽ chuyển đổi sang hệ thống nước máy tại trung tâm xã, các khu dân cư lớn; đối với các hộ xa trục cấp nước vẫn sử dụng các nhà máy nước cỡ nhỏ (10 - 20 m³/giờ) theo chương trình nước sạch nông thôn. Đến năm 2020, tỷ lệ hộ dân đô thị được cấp nước sạch tập trung là 99%; tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 99% (trong đó 95% số hộ được cấp nước tập trung).

Cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước mưa theo hướng tận dụng các công trình hiện có và quản lý chặt chẽ; từng bước xây dựng hệ thống thoát nước thải tách riêng khỏi hệ thống hiện hữu qua các máng hứng nước và giếng tách tràn dọc theo sông Ba Rài và các tuyến kênh trục.

Tại các khu vực dân cư tập trung ở đô thị trung tâm, tiến hành tách hệ thống thoát nước thải cùng lúc với việc duy tu hệ thống công thoát nước mưa; đồng thời xây dựng các giếng tách tràn trên các khu vực không thể tách 2 hệ thống.

Nâng tỷ lệ thu gom rác sinh hoạt và rác đô thị lên 95-98% vào năm 2020; Nâng tỷ lệ thu gom rác lên 95-98% vào năm 2020 đối với rác công nghiệp và 100% đối với rác y tế.

đ) Quy hoạch thủy lợi

Hàng năm cần nâng cấp đê bao kết hợp với đường giao thông, nạo vét duy tu các kênh tạo nguồn và kênh cấp II, các công trình đầu mối theo các thông số kiểm soát lũ toàn vùng Đồng Tháp Mười, tiến hành gia cố và bồi đắp cao trình các công trình phòng hộ theo quy hoạch có tính đến ứng phó biến đổi khí hậu.

Đối với khu vực ngoại thị phía Nam quốc lộ 1, cần gia cố đê bao, nạo vét các tuyến tạo nguồn cho từng tiểu vùng kết hợp với hệ thống kênh cấp II nhằm điều tiết nước hiệu quả hơn cho khu vực kinh tế vườn; hoàn chỉnh các ô bảo vệ vườn cây ăn trái.

6. Quốc phòng an ninh

Nâng cao chất lượng và củng cố số lượng quân thường trực đáp ứng yêu cầu chính quy - hiện đại. Tăng cường biện pháp quản lý và xây dựng lực lượng dự bị, phát triển dân quân và tự vệ phù hợp với nhiệm vụ chung. Tăng cường giáo dục quốc phòng toàn dân, nâng cao ý thức bảo vệ tổ quốc. Thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ an ninh chính trị, trật tự giao thông, an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng cơ sở vững mạnh, đẩy mạnh phong trào nhân dân tự quản có chất lượng, bảo đảm đối phó với mọi tình huống. Tiếp tục tấn công mọi loại tội phạm, lập lại trật tự kỷ cương trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội. Xây dựng các điểm dân cư thành những cơ sở vững mạnh bảo vệ an ninh chính trị và an toàn xã hội. Tăng cường công tác kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh trong từng ngành, từng lĩnh vực để tăng cường khả năng chủ động ứng phó với mọi tình huống.

7. Phương hướng tổ chức không gian phát triển

a) Phân vùng phát triển

- *Vùng nội thị*, chia thành 2 tiểu vùng: *tiểu vùng nội thị trung tâm* bao gồm các phường 1, 4, 5 có chức năng trung tâm về hành chính, chính trị cho đến năm 2020, đồng thời cũng là nơi tập trung dân cư đô thị, trung tâm thương mại, trung tâm văn hóa với các khu sau: khu trung tâm thương mại dịch vụ, khu hành chính, khu dân cư mật độ cao, khu đô thị mới; *tiểu vùng nội thị mở rộng* bao gồm các phường 2, 3, Nhị Mỹ có chức năng trung tâm phát triển đô thị mở rộng và dự kiến khu hành chính mới của thị xã sau năm 2020 với các khu sau: khu dân cư mật độ trung bình, khu dân cư nhà vườn, khu dân cư công nghiệp, trung tâm thương mại và trung tâm hành chính mới, một số cơ sở giáo dục - văn hóa và cơ sở kỹ thuật hạ tầng đô thị.

- *Vùng ngoại thị*, bao gồm 2 tiểu vùng: *tiểu vùng Bắc đường cao tốc* bao gồm phần ngoại thị thuộc các xã Tân Bình, các xã Mỹ Phước Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Tân Phú, Tân Hội với định hướng phát triển là vùng chuyên canh lúa, nuôi thủy sản, tuyển và trung tâm sơ chế - chế biến - kho vận lúa gạo Mỹ Phước Tây, tuyển các cơ sở công nghiệp - kho vận dọc ĐT.868, kênh 12 (Tân Bình) và quốc lộ 1 (Tân Hội), các khu dân cư nông thôn; *tiểu vùng Nam quốc lộ 1* bao gồm các xã Thanh Hòa, Phú Quý, Nhị Quý, Long Khánh với

định hướng phát triển kinh tế vườn, ương nuôi thủy sản, các khu dân cư nông thôn, Cụm công nghiệp Mỹ Phước Tây, cơ sở kỹ thuật thoát và xử lý nước.

b) Phương hướng bố trí không gian phát triển

- *Phân bố không gian phát triển đô thị*

Cơ quan hành chính, đến năm 2020, trung tâm hành chính của Thị xã vẫn giữ tại vị trí trung tâm hành chính huyện Cai Lậy cũ; sau năm 2020, trung tâm hành chính của thị xã sẽ dời về tuyến tránh ĐT.868 và quốc lộ 1, khu hành chính cũ dự kiến sẽ chuyển chức năng thành trung tâm dịch vụ và triển lãm; xây dựng trụ sở 6 phường nội thị và trụ sở mới xã Tân Bình.

Các cơ sở thương mại - dịch vụ, khu trung tâm thương mại giữ nguyên vị trí hiện tại; xây mới siêu thị Cai Lậy; các trung tâm thương mại mới: trung tâm thương mại - dịch vụ - tài chính tại khu vực vòng xoay tuyến tránh ĐT.868 - nhánh rẽ đường cao tốc - ĐH 52, tuyến thương mại dịch vụ quốc lộ 1, trung tâm thương mại dịch vụ cửa ngõ phía Tây và phía Đông, tuyến thương mại dịch vụ dọc ĐT.868 mới; các chợ mới: chợ Cặp Răng Núi, chợ Tân Phú, chợ gia súc gia cầm Tam Long.

Các cơ sở văn hóa - giáo dục - y tế, kêu gọi đầu tư phát triển trung tâm du lịch, vui chơi giải trí, nhà thi đấu Nhị Mỹ; cải tạo công viên trên nền chợ Cai Lậy cũ; xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao cho các phường xã mới; trùng tu, nâng cấp các công trình văn hóa lịch sử; bổ sung các trường mầm non cho các khu dân cư mới, cho các xã chưa đủ hệ thống trường mầm non; xây dựng thêm phân hiệu trường trung cấp nghề tại Nhị Mỹ; nâng cấp bệnh viện đa khoa khu vực và trung tâm y tế thị xã, xây dựng bệnh viện thị xã và trạm y tế các phường mới; tạo quỹ đất tại khu vực các phường 2, 3, Nhị Mỹ để kêu gọi đầu tư xây dựng các công trình giáo dục, y tế, văn hóa theo hướng xã hội hóa.

Các khu dân cư, khu dân cư đô thị cũ chủ yếu phân bố tại các phường 1, 4, 5; khu dân cư trên nền đô thị mở rộng, chủ yếu phân bố tại các phường 2, 3, Nhị Mỹ.

Hệ thống giao thông, bao gồm các tuyến đường chính: trục đối ngoại là tuyến quốc lộ 1, tuyến tránh ĐT.868 (kiêm chức năng đường trục trung tâm đô thị), ĐH.52; trục vành đai: đường vành đai Bắc từ Tân Bình đến Tân Hội, đường vành đai Nam từ Thanh Hòa đến Nhị Mỹ, 6 tuyến hành lang Bắc - Nam từ sông Ba Rài đến đường tránh, 1 tuyến đường tránh, 12-14 tuyến đường trục đô thị.

- *Phân bố không gian phát triển nông nghiệp*

Lúa phân bố tại khu vực nông thôn các xã phía Bắc đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ; kinh tế vườn tại khu vực nông thôn các xã phía Nam quốc lộ 1; rau màu chủ yếu luân canh một ít tại khu vực trồng lúa hoặc xen trong kinh tế vườn; hoa kiểng cổ và mai vàng tại Phú Quý; gia súc gia cầm phân bố đều trên khắp địa bàn nông thôn; cá ao hầm phân bố trong khu vực thả canh.

Nuôi ương cá giống tại các xã Long Khánh, Phú Quý, Tân Hội và phường Nhị Mỹ.

- Phân bố không gian phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Cụm công nghiệp Tân Bình, công nghiệp xay xát, lau bóng kết hợp kho vận, do doanh nghiệp tự đầu tư. Dự kiến sẽ từng bước dịch chuyển qua tuyến và trung tâm sơ chế - chế biến - kho vận lúa gạo Mỹ Phước Tây kết hợp với cải thiện điều kiện công nghệ, môi trường các cơ sở còn lại.

Cụm công nghiệp Tân Hội, công nghiệp xay xát, lau bóng, có khả năng phát triển sang phía đối diện quốc lộ 1 (xã Nhị Quý) và phát triển thêm một số loại hình tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ và vừa; từng bước phát triển theo chiều sâu.

Cụm công nghiệp Thanh Hòa, công nghiệp xay xát - lau bóng, khả năng phát triển lên các loại hình công nghiệp chế biến thực phẩm và hàng tiêu dùng.

Khu vực phát triển công nghiệp Mỹ Phước Tây, nghiên cứu xem xét điều chỉnh quy hoạch thêm khu vực phát triển công nghiệp Mỹ Phước Tây, quy mô 50 ha, chức năng: công nghiệp xay xát - lau bóng, về lâu dài có khả năng phát triển lên các loại hình công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chế biến sản phẩm hàng hóa và thực phẩm từ mặt hàng lúa gạo. Kết hợp với *tuyến và trung tâm sơ chế - chế biến - kho vận lúa gạo Mỹ Phước Tây*; chức năng: công nghiệp xay xát - lau bóng kết hợp kho vận, kết hợp với tuyến xay xát - kho vận ven kênh Nguyễn Văn Tiếp hình thành tuyến phát triển kinh tế công nghiệp - logistics trọng điểm đầu tư đến 2020.

- Các hành lang và trung tâm phát triển chính

Quốc lộ 1 và đường tránh quốc lộ .1: hành lang phát triển đối ngoại Đông Tây, hiện là hành lang phát triển kinh tế quan trọng nhất; dự kiến được bổ sung bởi tuyến đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

ĐT.868 và đường tránh, kênh 12, sông Ba Rài, ĐT.874-874B: hành lang phát triển đối ngoại Bắc Nam; sẽ phát triển mạnh trở thành hành lang phát triển quan trọng.

ĐT 865 và kênh Nguyễn Văn Tiếp: nằm trên hành lang phát triển kinh tế lúa gạo của vùng đồng bằng sông Cửu Long từ Đồng Tháp hướng về huyện Châu Thành đi thành phố Tân An, thành phố Hồ Chí Minh với tổ hợp các khu vực sơ chế, chế biến, kho vận lúa gạo dọc kênh Nguyễn Văn Tiếp và các khu công nghiệp tại Tân Phước, sau năm 2020 sẽ phát triển mạnh trở thành hành lang phát triển chính.

Các hành lang phát triển đô thị: các tuyến vành đai, nhánh rẽ đường cao tốc, ĐH.52, ĐH.54, ĐH.57.

Trung tâm phát triển: khu đô thị trung tâm thuộc các phường 1, 4, 5; khu đô thị mới thuộc các phường 2, 3, Nhị Mỹ; các khu cửa ngõ đô thị tại Thanh Hòa và Nhị Quý; khu đô thị dịch vụ công nghiệp tại Mỹ Phước Tây, khu dân cư Nhị Quý phía Đông Nam, khu du lịch - du khảo tại Tân Phú, các khu dân cư ngoại thị kết hợp vườn du lịch.

8. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Nâng cao mức thu nhập bình quân đầu người nằm trong nhóm dẫn đầu của tỉnh và hạn chế phân hóa về thu nhập, đời sống và phúc lợi xã hội giữa đô thị và nông thôn. Ngành dịch vụ giữ vai trò chủ lực, đồng thời chú trọng phát triển đồng bộ công nghiệp - xây dựng và phát triển ổn định, bền vững nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị thân thiện với môi trường. Phát triển thêm cực phát triển đô thị mới tại khu vực Mỹ Phước Tây, Nhị Quý. Phát triển các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa có tầm phục vụ cấp tiểu vùng và đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng phát triển các cơ sở này. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Đảm bảo kiểm soát hiệu quả môi trường đô thị gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

b) Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2021-2030

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn 8,5-10%/năm trong 10 năm. Trong đó, nông - lâm - ngư nghiệp tăng 3,1%/năm; công nghiệp - xây dựng tăng 8,8-10,3%/năm; thương mại - dịch vụ tăng 12,2-14,0%/năm.

- Cơ cấu giá trị sản xuất trên địa bàn năm 2030, tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 11,7-14,6%; công nghiệp - xây dựng chiếm 57,2-58,4%; thương mại - dịch vụ chiếm khoảng 28,2-29,9%.

- Thu nhập trên địa bàn bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 220-306 triệu đồng/người (tương đương 7.300-10.200 USD/người).

- Huy động ngân sách nhà nước từ kinh tế địa phương tăng 7-10%/năm.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 37.000-47.500 tỷ đồng.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 khoảng 40%.

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2021-2030 khoảng 1,1%/năm. Đến năm 2030, dân số đạt khoảng 146.000 người; tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo là 80%; phấn đấu giảm giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,0%/năm; 100% xã cơ bản đạt chuẩn quốc gia về xây dựng nông thôn mới; số lao động đô thị chưa có việc làm dưới 1%.

c) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về thương mại, dịch vụ

Khu nội thị trung tâm: phát triển các lĩnh vực thương mại đầu mối, hàng tiêu dùng và xuất nhập khẩu; khu nội thị mở rộng: phát triển theo hướng thương mại đối ngoại với các hoạt động trung chuyển hàng hóa, phố thị, kho vựa...; tại cực phát triển Mỹ Phước Tây: thương mại đối ngoại theo tuyến ĐT.868 - kênh 12 và tuyến ĐT.865 - kênh Nguyễn Văn Tiếp, kết hợp chặt chẽ với bán buôn, trung chuyên, kho vận lúa gạo và nông sản; tại cực phát triển Nhị Quý: điểm thương mại quy mô trung bình kết nối quốc lộ 1 với ĐT.864 - sông Tiền, có kết hợp giữa thương mại và kho vận trái cây; tại khu vực nông thôn, phát triển các loại hình phân phối hiện đại.

Phát triển hệ thống đường tránh, đường cao tốc kết hợp với các tuyến giao thông đối ngoại và mạng giao thông công cộng; vận tải thủy phát triển chủ yếu theo tuyến kênh 12 và kênh Nguyễn Văn Tiếp với hệ thống kho vận nông sản tại Mỹ Phước Tây, Tân Bình; phát triển mạnh các loại hình giải trí, nghỉ dưỡng cuối tuần cho khu vực đô thị tại khu vực ngoại vi khu hành chính mới; đồng thời, thị xã có tiềm năng là 01 điểm dừng chân theo tuyến du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười - quá cảnh hướng về thị xã Kiến Tường (Long An); đến năm 2030 hầu hết các ngân hàng thương mại cổ phần trong và ngoài nước đều phát triển chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại thị xã.

- Về nông nghiệp, nông thôn

Diện tích lúa giảm còn dưới 4.500 ha, trong đó trên 90% là lúa chất lượng cao đạt chuẩn xuất khẩu, 70-80% diện tích phát triển theo mô hình cánh đồng lớn canh tác hướng GAP liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp; vườn cây lâu năm giảm nhẹ theo tiến độ đô thị còn trong khoảng 3.000 ha, trong đó 30-40% đạt chuẩn GAP, 80-90% đạt chuẩn an toàn và chủ động cung đối với thị trường, 10% kết hợp biệt thự vườn và du lịch sinh thái; diện tích gieo trồng rau đậu ổn định trong khoảng 400 ha, trong đó trên 95% diện tích rau màu là rau an toàn và trên 65% diện tích đạt chuẩn Viet GAP; phát triển vùng kiểng và mai vàng.

Tổng đàn gia súc, gia cầm dự báo giảm 2-3%/năm theo tiến trình phát triển đô thị. Đến năm 2030, chủ yếu là chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm tại khu vực nông thôn theo quy mô gia trại, trang trại kết hợp với bảo đảm điều kiện vệ sinh phòng dịch và môi trường nuôi.

Diện tích nuôi và sản lượng giảm nhẹ; lĩnh vực ương nuôi ương cá phát triển ở mức độ trung bình và phát triển đa dạng hơn theo điều kiện phát triển theo kinh tế đô thị.

- Về công nghiệp, xây dựng

Đến 2025, cơ bản lấp đầy khu vực phát triển công nghiệp Mỹ Phước Tây, Cụm công nghiệp Tân Bình, Cụm công nghiệp Tân Hội. Tại Mỹ Phước Tây và Tân Bình, ngoài lĩnh vực xay xát - chế biến lúa gạo sẽ thu hút đầu tư các lĩnh

vực sản xuất các sản phẩm từ gạo theo hướng giá trị gia tăng. Các doanh nghiệp nằm theo tuyến trong khu vực nội thị mở rộng tại Tân Bình sẽ từng bước di dời lên Mỹ Phước Tây. Cụm công nghiệp Tân Hội, Thanh Hòa phát triển theo hướng đa ngành.

Sau năm 2025 lĩnh vực tư vấn, thiết kế về xây dựng trên địa bàn phát triển mạnh theo tiến độ phát triển các khu đô thị và công trình dịch vụ, công cộng.

IV. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ CAI LẬY (Phụ lục đính kèm)

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp, chính sách về nguồn vốn

Để đạt được những mục tiêu đề ra trong quy hoạch, tổng nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn 2016-2020 khoảng 11-13,8 nghìn tỷ đồng.

a) Đối với nguồn sách Trung ương và tỉnh, chủ yếu là các công trình có tính chất dẫn luồng và phát luồng đầu tư, kiến nghị các cấp Trung ương và tỉnh trong việc ghi vốn các công trình và sớm đầu tư theo kế hoạch; cấp thị xã phối hợp với cấp tỉnh tạo điều kiện cho việc thi công công trình trên địa bàn.

b) Đối với nguồn vốn ngân sách thị xã, phân bổ, tính toán tiến độ và ghi vốn các công trình phù hợp với khả năng tiếp nhận dự án trên địa bàn; ưu tiên các công trình có tính chất dẫn luồng và phát luồng đầu tư; tăng khả năng tiếp nhận nguồn vốn đầu tư theo đúng tiến độ, tránh tắc nghẽn quá trình đầu tư vốn; tổ chức tốt các khâu từ quy hoạch, thiết kế - đấu thầu - tổ chức thi công, giám sát nghiệm thu, hoàn công và thanh toán đúng tiến độ.

c) Đối với nguồn vốn trong dân, thực hiện tốt công tác thẩm tra và đánh giá về nhà đầu tư và dự án đầu tư; hạn chế việc đầu cơ vào thị trường bất động sản thông qua việc tổ chức thẩm định, hậu kiểm; nâng cao hiệu quả hoạt động và tiềm lực tài chính các loại quỹ; xây dựng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành 1 khu đô thị chuyên đề về tài chính tín dụng; có kế hoạch khoán thu cụ thể cho từng nhóm đối tượng, từng địa bàn một cách công bằng, hợp lý và minh bạch, vừa đúng với sức dân; phát triển các công trình, dự án đầu tư có hiệu quả, tập trung phát triển 2 lĩnh vực có khả năng thu cao là bất động sản và tài chính tín dụng.

2. Giải pháp, chính sách về nguồn nhân lực

Nâng cao hiệu quả hệ thống trường đào tạo nghề; kết hợp dạy nghề với tư vấn và hỗ trợ việc làm khu vực nông thôn; thường xuyên đào tạo và đào tạo lại các cán bộ chủ chốt về chuyên môn, nghiệp vụ; huy động toàn xã hội đóng góp vào giáo dục và đào tạo; khuyến khích phát triển quỹ khuyến học, cấp học bổng cho học sinh giỏi, học sinh nghèo và đối tượng chính sách; nghiên cứu chính

sách nhập cư vào đô thị ưu tiên cho người có trình độ chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ, người có trình độ học vấn cao, người có vốn.

3. Giải pháp, chính sách về khoa học và công nghệ

Tăng cường đầu tư xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ trong khu vực nhà nước và dân doanh; thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành có liên quan và địa phương trong công tác triển khai tiến bộ khoa học công nghệ vào phục vụ cho phát triển sản xuất; phát triển nhanh công nghệ thông tin vào trường học, các cơ quan quản lý nhà nước; nghiên cứu và triển khai chính sách hỗ trợ và khuyến khích quá trình chọn lọc đầu tư vào khu vực công nghiệp với công nghệ, thiết bị đảm bảo nguyên tắc ít phát thải và thân thiện với môi trường.

4. Giải pháp, chính sách quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định của pháp luật, các chương trình về bảo vệ tài nguyên và môi trường. Tuyên truyền và triển khai các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường đến tận người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường để việc bảo vệ môi trường đi sâu vào nếp sống của mọi tầng lớp xã hội; đẩy mạnh công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường kết hợp với công tác kế hoạch hóa và cân đối các nguồn lực, tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Có biện pháp hữu hiệu để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhất là khu vực đô thị và khu sản xuất công nghiệp tập trung.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Cai Lậy đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm và các dự án đầu tư trên địa bàn thị xã Cai Lậy.

1. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Cai Lậy:

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Cai Lậy đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân.

- Phối hợp sở, ngành tỉnh đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư; giới thiệu các chương trình, dự án cần được ưu tiên đầu tư.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm và các chương trình dự án cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được. Định kỳ tiến hành rà soát lại Quy hoạch và

trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong Thị xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

- Căn cứ nội dung Quy hoạch được phê duyệt, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện Quy hoạch theo quy định.

2. Các sở, ngành có liên quan:

- Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân thị xã Cai Lậy trong quá trình thực hiện quy hoạch.

- Phối hợp với thị xã Cai Lậy trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để đảm bảo tính đồng bộ thống nhất của quy hoạch. Xem xét, hỗ trợ Thị xã trong huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước, ngoài nước để thực hiện quy hoạch.


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 07/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Cai Lậy; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *AB*

- Như Điều 4;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- VPUB: CVP, các PCVP;
Các phòng nghiên cứu;
- Lưu VT. *256*

CHỦ TỊCH *iduo*



Nguyễn Văn Khang

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ CAI LẬY
(Kèm theo Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên dự án, chương trình	Thời kỳ 2015- 2020	Thời kỳ 2021- 2030
I	VỀ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN		
1	Các dự án nông nghiệp: cánh đồng lớn, phát triển cây ăn trái, tiêu chuẩn hóa nuôi trồng, phát triển trang trại, phát triển sinh vật cảnh (chỉ tính phần hỗ trợ của ngân sách)	X	
2	Các dự án nông nghiệp: phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp theo hướng công nghệ cao (chỉ tính phần hỗ trợ của ngân sách)		X
II	VỀ THỦY LỢI		
1	Kiểm soát lũ khu vực Bắc đường cao tốc giai đoạn 1,2	X	X
2	Ô bao bảo vệ vườn cây ăn trái khu vực Nam đường cao tốc giai đoạn 1,2	X	X
3	Nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng (chỉ tính phần hỗ trợ của ngân sách)	X	
4	Kiên cố hóa hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ canh tác công nghệ cao (chỉ tính phần hỗ trợ của ngân sách)		X
5	Dự án bờ kè phía Tây rạch Ba Rài	X	
6	Tiểu dự án đầu tư xây dựng công trình kiểm soát và giảm rủi ro do lũ vùng Ba Rài-Phú An	X	X
III	VỀ CÔNG NGHIỆP		
1	CCN Tân Bình	X	
2	CCN Tân Hội		
3	CCN Thanh Hòa	X	X
4	Xây dựng hạ tầng khu vực phát triển công nghiệp Mỹ Phước Tây	X	
5	Nâng cấp nhà máy chế biến gạo	X	
6	Cơ sở đóng gói, bảo quản rau quả	X	
7	Nhà máy chế biến súc sản	X	
8	Cơ sở sản xuất bao bì các loại có kết hợp ngành nhựa và in	X	



STT	Tên dự án, chương trình	Thời kỳ 2015- 2020	Thời kỳ 2021- 2030
9	Doanh nghiệp cơ khí	X	
10	Nhà máy sản xuất dược phẩm	X	
11	Lĩnh vực bao bì - nhựa và công nghiệp hỗ trợ tương ứng		X
12	Lĩnh vực hóa dược phẩm và công nghiệp hỗ trợ tương ứng		X
13	Lĩnh vực cơ khí chế tạo và công nghiệp hỗ trợ tương ứng		X
14	Nhà máy phụ liệu công nghiệp giày da		X
IV	XÂY DỰNG ĐÔ THỊ, DÂN CƯ		
1	Chương trình phát triển đô thị (Thị xã Cai Lậy lên đô thị loại III)	X	X
2	Đầu tư xây dựng khu trung tâm hành chính Thị xã Cai Lậy		X
3	Xây dựng Trụ sở UBND Phường 1, Phường 2, Phường 5	X	
4	Cải tạo hạ tầng đô thị cũ và xây dựng hạ tầng cơ bản cho đô thị mở rộng giai đoạn 1,2	X	X
5	Dự án sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các trụ sở các xã phường	X	
6	Cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ	X	
7	Khu dân cư khu đô thị mở rộng (2-4 dự án) giai đoạn 1,2	X	X
V	THƯƠNG MẠI		
1	Siêu thị Cai Lậy	X	
2	Xây mới, nâng cấp sửa chữa 3 chợ	X	
3	Xây dựng hạ tầng Trung tâm thương mại giai đoạn 1,2	X	X
4	Xây dựng hạ tầng khu thương mại Mỹ Phước Tây	X	X
5	Xây dựng hạ tầng khu thương mại Tân Hội, Thanh Hòa, mở rộng khu thương mại Mỹ Phước Tây		X
6	Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới chợ, phố thị	X	X
VI	DU LỊCH		
1	Điểm du lịch di tích Ấp Bắc	X	X
VII	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
1	Trường TC Kinh tế Công Nghệ Cai Lậy	X	X
2	Xây dựng 02 trường tiểu học, 02 trường trung học cơ sở		
3	Chuẩn hóa trường học các cấp giai đoạn 1,2	X	X

STT	Tên dự án, chương trình	Thời kỳ 2015- 2020	Thời kỳ 2021- 2030
4	Nâng cấp trường Cao đẳng, Trường Nghề	X	
VIII	Y TẾ - DS.KHHGD		
1	Đầu tư sửa chữa các lò đốt rác thải y tế nguy hại (BV Mỹ Phước Tây)	X	
2	Nâng cấp cải tạo sửa chữa trung tâm dân số KHHGD	X	
3	Bệnh viện Thị xã Cai Lậy	X	
4	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy giai đoạn 1,2	X	X
5	Đầu tư xây dựng Trạm y tế cho 4 phường thuộc thị xã Cai Lậy	X	
6	Nâng cấp hệ thống y tế cơ sở các xã phường giai đoạn 1,2	X	X
IX	QUỐC PHÒNG – AN NINH		
1	Dự án xây dựng Cơ sở làm việc Công an phường thuộc Thị xã Cai Lậy	X	
2	Dự án di dời cơ sở tạm giữ, kho vật chứng thuộc CA.TX Cai Lậy	X	X
X	GIAO THÔNG – VẬN TẢI		
1	Cao Tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	X	X
2	Đường sắt tốc độ cao Tp.HCM - Cần Thơ (đoạn qua TG)		X
3	Dự án BOT tuyến tránh QL.1 qua thị xã Cai Lậy	X	
4	Nâng cấp, mở rộng các tuyến ĐT (865, 868, 874, 874B và các cầu	X	X
5	Mở mới, nâng cấp tuyến đường tránh ĐT.868 giai đoạn 1	X	X
6	Đường vành đai trong	X	
7	Nâng cấp các tuyến đường huyện 51, 52, 53, 54, 57, 58, 59, 60, 67 giai đoạn 1,2	X	X
8	Xây dựng mới 3 tuyến đường hành lang đô thị	X	
9	Phát triển giao thông nội thị giai đoạn 1,2	X	X
10	Nâng cấp tuyến đường hành lang đô thị		X
11	Nạo vét kênh Nguyễn Văn Tiếp giai đoạn 1,2 và xây dựng bến thủy Mỹ Phước Tây	X	X
XI	VĂN HÓA		

STT	Tên dự án, chương trình	Thời kỳ 2015- 2020	Thời kỳ 2021- 2030
	Nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa cấp xã phường giai đoạn 1,2	X	X
XII	ĐIỆN VÀ CẤP THOÁT NƯỚC		
1	Xây mới đường dây 220 kV mạch 2 Cai Lậy - Cao Lãnh dài 55 km	X	
2	Mở rộng hệ thống cấp nước đô thị giai đoạn 1	X	
3	Thoát nước đô thị giai đoạn 1,2	X	X
4	Nối mạng hệ thống cấp nước đô thị		X
XII	NGHĨA TRANG		
1	Xã Mỹ Phước Tây (hỏa táng)	X	